

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường phục vụ quản lý Ngành Nông nghiệp và Môi trường, lĩnh vực Chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, năm 2026

Thực hiện Quyết định số 888/QĐ-BNN-CN ngày 24/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc phê duyệt Kế hoạch Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường phục vụ quản lý ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lĩnh vực Chăn nuôi giai đoạn 2025 - 2030; Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường phục vụ quản lý ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lĩnh vực Chăn nuôi giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường phục vụ quản lý ngành Nông nghiệp và Môi trường, lĩnh vực chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá năm 2026, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cung cấp số liệu về hiện trạng môi trường ở các trang trại chăn nuôi tập trung để cơ quan chức năng chỉ đạo, quản lý chỉ đạo và hoạch định các chính sách bảo vệ môi trường trong lĩnh vực chăn nuôi. Chia sẻ dữ liệu quan trắc môi trường cho mạng lưới quan trắc môi trường của tỉnh và Quốc gia.

- Đánh giá mức độ hiệu quả của các hệ thống xử lý chất thải tại cơ sở, kịp thời phát hiện các dấu hiệu ô nhiễm hoặc sự cố môi trường từ các trang trại chăn nuôi để có biện pháp ứng phó, giảm thiểu rủi ro cho cộng đồng và hệ sinh thái.

2. Yêu cầu

- Chủ động quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường tại 31 trang trại chăn nuôi tập trung, chất thải tại khu vực chăn nuôi, đối tượng là các trang trại chăn nuôi: lợn, trâu, bò, gia cầm trên địa bàn tỉnh, thông số quan trắc là môi trường nước, môi trường đất.

- Đảm bảo 50% cán bộ quản lý chăn nuôi cấp tỉnh được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ về quan trắc, cảnh báo môi trường; 10% các cơ sở chăn nuôi được hướng dẫn, tập huấn, tuyên truyền các biện pháp kiểm soát các yếu tố môi trường, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

- Kết quả quan trắc và cảnh báo môi trường lĩnh vực chăn nuôi được chuyển tải nhanh nhất đến các cơ quan quản lý, người chăn nuôi và các tổ chức, cá nhân liên quan.

- Cơ sở dữ liệu thông tin về quan trắc, cảnh báo môi trường lĩnh vực chăn nuôi được hệ thống hóa vào cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi.

- Ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực đủ năng lực về chuyên môn kỹ thuật, quản lý để thực hiện hoạt động quan trắc, cảnh báo môi trường trong chăn nuôi.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tiêu chí chọn điểm quan trắc môi trường

- Trước khi lựa chọn địa điểm, vị trí quan trắc cần điều tra, khảo sát các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường xung quanh khu vực cần quan trắc.

- Điểm quan trắc được chọn nằm trong vùng, trang trại chăn nuôi tập trung, môi trường chất thải tại khu vực chăn nuôi, đại diện cho địa phương về quy mô, sản lượng.

- Điểm quan trắc có tính ổn định; xác định được tọa độ và được đánh dấu trên bản đồ.

- Điểm quan trắc được chọn tránh trùng lặp với các điểm quan trắc do Cục Chăn nuôi và Thú y triển khai hoặc chương trình quan trắc môi trường khác; không thay thế trách nhiệm quan trắc môi trường của các mạng lưới quan trắc khác trên cùng địa bàn.

2. Nội dung, thông số và tần suất quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành Nông nghiệp và Môi trường, lĩnh vực chăn nuôi

Triển khai hoạt động quan trắc tại 31 trang trại chăn nuôi tập trung trên địa bàn tỉnh (gồm: 19 trang trại chăn nuôi lợn, 08 trang trại chăn nuôi trâu bò và 04 trang trại chăn nuôi gia cầm) về môi trường chất thải tại khu vực chăn nuôi lợn, trâu, bò, gia cầm; nội dung, bộ thông số, tần suất và phương pháp quan trắc môi trường (chi tiết có Phụ lục kèm theo).

2.1. Trang trại chăn nuôi lợn

a) Điểm quan trắc: Quan trắc tại 19 trang trại ở khu vực trang trại chăn nuôi tập trung và chất thải tại khu vực chăn nuôi.

b) Thông số quan trắc môi trường ở trang trại chăn nuôi tập trung

- Môi trường nước thải chăn nuôi:

+ Thông số quan trắc: pH, TSS, COD, BOD₅, tổng N, tổng Coliforms.

+ Phương pháp quan trắc: Lựa chọn phương pháp quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc các phương pháp khác đã được công nhận.

+ Tần suất quan trắc: 4 lần/năm.

- *Môi trường đất:*

+ Thông số quan trắc: Độ ẩm, pH, EC, tổng N, tổng P, tổng K, OC, SO_4^{2-} , Cl^- , PO_4^{3-} , NO_3^- , NH_4^+ , Hg, Cd, Pb, As, Cu, Zn.

+ Phương pháp quan trắc: Lựa chọn phương pháp quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc các phương pháp khác đã được công nhận.

+ Tần suất quan trắc: 2 lần/năm.

c) Thông số quan trắc môi trường chất thải tại khu vực chăn nuôi

- *Môi trường nước mặt:*

+ Thông số quan trắc: pH, DO, TSS, COD, BOD_5 , tổng N, tổng P, tổng Coliforms, E.coli, NH_4^+ , NO_3^- , Cl^- , F^- , As, Cd, Pb, Cu, Hg, PO_4^{3-} .

+ Phương pháp quan trắc: Lựa chọn phương pháp quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc các phương pháp khác đã được công nhận.

+ Tần suất quan trắc: 6 lần/năm.

- *Môi trường đất:*

+ Thông số quan trắc: Độ ẩm, pH, EC, tổng N, tổng P, tổng K, OC, SO_4^{2-} , Cl^- , PO_4^{3-} , NO_3^- , NH_4^+ , Hg, Cd, Pb, As, Cu, Zn.

+ Phương pháp quan trắc: Lựa chọn phương pháp quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc các phương pháp khác đã được công nhận.

+ Tần suất quan trắc: 2 lần/năm.

2.2. Trang trại chăn nuôi trâu, bò

a) Điểm quan trắc: Quan trắc tại 08 trang trại ở khu vực trang trại chăn nuôi tập trung và chất thải tại khu vực chăn nuôi.

b) Thông số quan trắc môi trường ở trang trại chăn nuôi tập trung

- *Môi trường nước thải chăn nuôi:*

+ Thông số quan trắc: pH, TSS, COD, BOD_5 , tổng N, tổng Coliforms.

+ Phương pháp quan trắc: Lựa chọn phương pháp quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc các phương pháp khác đã được công nhận.

+ Tần suất quan trắc: 4 lần/năm.

- *Môi trường đất:*

+ Thông số quan trắc: Độ ẩm, pH, EC, tổng N, tổng P, tổng K, OC, SO_4^{2-} , Cl^- , PO_4^{3-} , NO_3^- , NH_4^+ , Hg, Cd, Pb, As, Cu, Zn.

+ Phương pháp quan trắc: Lựa chọn phương pháp quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc các phương pháp khác đã được công nhận.

+ Tần suất quan trắc: 2 lần/năm.

c) Thông số quan trắc môi trường chất thải tại khu vực chăn nuôi

- *Môi trường nước mặt:*

+ Thông số quan trắc: pH, DO, TSS, COD, BOD₅, tổng N, tổng P, tổng Coliforms, E.coli, NH₄⁺, NO₃⁻, Cl⁻, F⁻, As, Cd, Pb, Cu, Hg, PO₄³⁻.

+ Phương pháp quan trắc: Lựa chọn phương pháp quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc các phương pháp khác đã được công nhận.

+ Tần suất quan trắc: 6 lần/năm.

- *Môi trường đất:*

+ Thông số quan trắc: Độ ẩm, pH, EC, tổng N, tổng P, tổng K, OC, SO₄²⁻, Cl⁻, PO₄³⁻, NO₃⁻, NH₄⁺, Hg, Cd, Pb, As, Cu, Zn.

+ Phương pháp quan trắc: Lựa chọn phương pháp quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc các phương pháp khác đã được công nhận.

+ Tần suất quan trắc: 2 lần/năm.

2.3. Chăn nuôi gia cầm

a) Điểm quan trắc: Quan trắc tại 04 trang trại các xã trên địa bàn tỉnh ở khu vực trang trại chăn nuôi tập trung và chất thải tại khu vực chăn nuôi.

b) Thông số quan trắc môi trường ở trang trại chăn nuôi tập trung

Môi trường đất:

- Thông số quan trắc: Độ ẩm, pH, EC, tổng N, tổng P, tổng K, OC, SO₄²⁻, Cl⁻, PO₄³⁻, NO₃⁻, NH₄⁺, Hg, Cd, Pb, As, Cu, Zn.

- Phương pháp quan trắc: Lựa chọn phương pháp quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc các phương pháp khác đã được công nhận.

- Tần suất quan trắc: 2 lần/năm.

c) Thông số quan trắc môi trường chất thải tại khu vực chăn nuôi

- *Môi trường nước mặt:*

+ Thông số quan trắc: pH, DO, TSS, COD, BOD₅, tổng N, tổng P, tổng Coliforms, E.coli, NH₄⁺, NO₃⁻, Cl⁻, F⁻, As, Cd, Pb, Cu, Hg, PO₄³⁻.

+ Phương pháp quan trắc: Lựa chọn phương pháp quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc các phương pháp khác đã được công nhận.

+ Tần suất quan trắc: 6 lần/năm.

- *Môi trường đất:*

+ Thông số quan trắc: Độ ẩm, pH, EC, tổng N, tổng P, tổng K, OC, SO_4^{2-} , Cl^- , PO_4^{3-} , NO_3^- , NH_4^+ , Hg, Cd, Pb, As, Cu, Zn.

+ Phương pháp quan trắc: Lựa chọn phương pháp quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc các phương pháp khác đã được công nhận.

+ Tần suất quan trắc: 2 lần/năm.

3. Quan trắc, giám sát môi trường đột xuất

- Khi môi trường có diễn biến bất thường, có phản ánh của cộng đồng về ô nhiễm, khi xảy ra sự cố môi trường từ trang trại chăn nuôi, phát hiện bất thường từ hệ thống giám sát môi trường, khi dự án chăn nuôi mới đi vào hoạt động nhưng có dấu hiệu vi phạm về cam kết bảo vệ môi trường; khi khu vực chăn nuôi xảy ra dịch bệnh; khi môi trường vùng chăn nuôi có dấu hiệu ô nhiễm, tích tụ chất hữu cơ, mùi hôi...

- Thông số, tần suất quan trắc, giám sát: Dựa trên các thông số quan trắc và giám sát môi trường thường xuyên tại các trang trại chăn nuôi tập trung, môi trường chất thải tại khu vực chăn nuôi. Tùy theo tình hình thực tế để lựa chọn và bổ sung các chỉ tiêu khác ngoài các chỉ tiêu quan trắc thường xuyên cho phù hợp.

4. Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành Nông nghiệp và Môi trường, lĩnh vực chăn nuôi

- Ứng dụng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu, truyền nhận, chia sẻ số liệu từ quan trắc cảnh báo môi trường lĩnh vực chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi tập trung/doanh nghiệp và người chăn nuôi tới Cục Chăn nuôi và Thú y. Phần mềm cơ sở dữ liệu do Cục Chăn nuôi và Thú y tổ chức thực hiện.

- Phối hợp xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường tự động thí điểm tại cơ sở chăn nuôi lợn, trâu, bò, gia cầm trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

5. Nâng cao năng lực quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành Nông nghiệp và Môi trường, lĩnh vực chăn nuôi

- Phối hợp với Cục Chăn nuôi và Thú y và các đơn vị có chức năng tập huấn nghiệp vụ lấy mẫu, phân tích mẫu quan trắc môi trường nước, môi trường đất...cho cán bộ làm công tác quan trắc, cảnh báo môi trường của Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cơ sở, trang trại chăn nuôi kỹ năng kiểm soát các yếu tố môi trường, quản lý chất lượng môi trường nước, môi trường đất tại trang trại chăn nuôi tập trung, chất thải khu vực chăn nuôi.

- Tăng cường trang thiết bị cho các bộ phận quan trắc để đáp ứng yêu cầu cảnh báo sớm ô nhiễm môi trường nước, môi trường đất tại trang trại chăn nuôi tập trung, chất thải khu vực chăn nuôi.

6. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành Nông nghiệp và Môi trường, lĩnh vực chăn nuôi

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền (như: tờ rơi, sách chuyên đề, thông tin trên đài truyền hình, truyền thanh, hệ thống mạng, ứng dụng điện thoại...) để thông tin kịp thời diễn biến chất lượng môi trường vùng chăn nuôi; đồng thời nâng cao nhận thức của người chăn nuôi về vai trò của quan trắc môi trường, cảnh báo sớm ô nhiễm cũng như bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

- Phổ biến tới người chăn nuôi các mô hình chăn nuôi về giống, thức ăn, hệ thống xử lý môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu; tuyên truyền các văn bản quy định về bảo vệ môi trường, giảm phát khí thải nhà kính trong chăn nuôi.

- Tổ chức chia sẻ kết quả quan trắc, giám sát môi trường vùng chăn nuôi với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đến các cơ quan quản lý, người chăn nuôi và các tổ chức, cá nhân liên quan, mạng lưới quan trắc môi trường Quốc gia.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách tỉnh cấp hỗ trợ để thực hiện

- Tổ chức quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường tại 31 trang trại chăn nuôi tập trung, môi trường chất thải tại khu vực chăn nuôi của tỉnh.

- Tổ chức triển khai công tác truyền thông; tổ chức đào tạo tập huấn, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quan trắc môi trường.

- Nâng cao năng lực các phòng thử nghiệm của tỉnh đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

2. Kinh phí từ doanh nghiệp, cơ sở trang trại chăn nuôi

- Tổ chức quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường tại vùng, cơ sở trang trại chăn nuôi doanh nghiệp.

- Nâng cao năng lực phòng thử nghiệm thực hiện công tác quan trắc, cảnh báo môi trường của doanh nghiệp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện các nội dung sau

- Lập dự toán kinh phí báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Phối hợp với UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan triển khai tổ chức thực hiện Kế hoạch này; kịp thời thông báo kết quả quan trắc môi trường, cho các địa phương, các cơ sở nuôi chăn nuôi tại các khu vực được quan trắc; triển khai các biện pháp khắc phục; cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc môi trường, báo cáo Cục Chăn nuôi và Thú y.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi quan trắc, giám sát môi trường tại khu vực nuôi của mình.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Sở Tài chính: Trên cơ sở dự toán của Sở Nông nghiệp và Môi trường lập, căn cứ khả năng ngân sách, thẩm định dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt đảm bảo theo quy định.

3. UBND cấp xã khu vực có hoạt động chăn nuôi tập trung: Phối hợp với Chi cục Chăn nuôi và Thú y lựa chọn điểm quan trắc, tổ chức quan trắc môi trường thường xuyên và đột xuất, kịp thời thông báo diễn biến chất lượng nước cho người dân tại các khu vực được quan trắc. Tổ chức khắc phục theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Các cơ sở trang trại chăn nuôi tập trung/doanh nghiệp chăn nuôi

- Tham gia giám sát chất lượng môi trường nước, môi trường nước đất/trầm tích tại khu vực trang trại chăn nuôi tập trung và môi trường chất thải tại khu vực chăn nuôi của mình.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý chăn nuôi trong quan trắc, giám sát và cảnh báo môi trường chăn nuôi tại khu vực trang trại chăn nuôi tập trung và môi trường chất thải tại khu vực chăn nuôi của mình.

- Kịp thời thông báo các diễn biến bất thường của môi trường nước, môi trường đất/trầm tích tại khu vực trang trại chăn nuôi tập trung và môi trường chất thải tại khu vực chăn nuôi và báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về chăn nuôi tại địa phương.

- Ghi chép đầy đủ thông tin, số liệu thu thập, các biện pháp xử lý môi trường tại khu vực trang trại chăn nuôi tập trung và môi trường chất thải tại khu vực chăn nuôi của cơ sở vượt ngưỡng cho phép theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chăn nuôi và đơn vị thực hiện quan trắc.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Chăn nuôi và Thú y (để p/h)
- Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

PHỤ LỤC: THÔNG SỐ VÀ TẦN SUẤT QUAN TRẮC

(kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Môi trường nước

Động vật nuôi trên cạn	Điểm quan trắc, giám sát	Thông số quan trắc, giám sát	Thời điểm quan trắc, giám sát	Tần suất quan trắc, giám sát
Lợn, trâu, bò, gia cầm	Môi trường nước thải chăn tại các trang trại chăn nuôi tập trung	pH, TSS, COD, BOD ₅ , tổng N, tổng <i>Coliforms</i> .	Trong quá trình chăn nuôi	4 lần/năm
	Môi trường nước mặt tại khu vực chăn nuôi	pH, DO, TSS, COD, BOD ₅ , tổng N, tổng P, tổng <i>Coliforms</i> , <i>E.coli</i> , NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ , Cl ⁻ , F ⁻ , As, Cd, Pb, Cu, Hg, PO ₄ ³⁻ .	Trong quá trình chăn nuôi	6 lần/năm

2. Môi trường đất

Động vật nuôi trên cạn	Điểm quan trắc, giám sát	Thông số quan trắc, giám sát	Thời điểm quan trắc, giám sát	Tần suất quan trắc, giám sát
Lợn, trâu, bò, gia cầm	Môi trường đất ở các trang trại chăn nuôi tập trung	Độ ẩm, pH, EC, tổng N, tổng P, tổng K, OC, SO ₄ ²⁻ , Cl ⁻ , PO ₄ ³⁻ , NO ₃ ⁻ , NH ₄ ⁻ , Hg, Cd, Pb, As, Cu, Zn.	Trong quá trình chăn nuôi	2 lần/năm
	Môi trường đất tại khu vực chăn nuôi	Độ ẩm, pH, EC, tổng N, tổng P, tổng K, OC, SO ₄ ²⁻ , Cl ⁻ , PO ₄ ³⁻ , NO ₃ ⁻ , NH ₄ ⁻ , Hg, Cd, Pb, As, Cu, Zn.	Trong quá trình chăn nuôi	2 lần/năm